

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2023

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quý Đôn

Ông Nguyễn An Toại

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Tuấn A**, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Hiện cư trú tại: Số 00 ho, 00 Baekseok-dong, Ilsandong-gu, Goyang-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 14/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Lê Tuấn A** trình bày và yêu cầu:

Ông và bà **Nguyễn Thị T** đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97 cấp ngày 28/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Từ khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống về sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình và các vấn đề khác nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ngoài ra vào năm 2018, bà T ra nước ngoài để sinh sống và cho đến nay, ông và bà T không còn liên lạc với nhau, từ đó làm

cho tình trạng mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (Việt Nam) giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có chung 01 người con chung tên Lê Hạo N, sinh ngày 16/11/2016, hiện cháu N đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn, ông thống nhất bà T là người trực tiếp nuôi con, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ngày 21/02/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lê Tuấn A về việc bà và ông đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, cấp ngày 28/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Từ khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp được, dẫn đến tình cảm vợ chồng đã có sự rạn nứt, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông Tuấn A xin ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hạo N, sinh ngày 16/11/2016 là con chung của bà và ông Tuấn A, không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Tuấn A có nơi cư trú ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ khởi kiện xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị T là công dân Việt Nam nhưng đang cư trú, sinh sống tại Hàn Quốc (được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc xác nhận hồ sơ đăng ký công dân của bà Nguyễn Thị T số 263, Quyền số 01/2023, ngày 21/02/2023) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T đang cư trú ở nước ngoài nên không có điều kiện tham gia hòa giải, còn ông Lê Tuấn A cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 và 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết

định xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn A và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, ngày 28/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, thời gian chung sống về sau giữa ông và bà T phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Đến năm 2018, bà T xuất cảnh và cư trú, sinh sống tại Hàn Quốc từ đó cho đến nay, còn ông Tuấn A thì ở lại Việt Nam, giữa hai người không quan tâm liên lạc gì với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên ông Tuấn A xin ly hôn với bà T.

Về phía bà T có lời khai tại Bản tự khai (được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/02/2023): Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn nên bà cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông Tuấn A được ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Do không chung sống với nhau trong thời gian dài (từ khi bà T xuất cảnh đi nước ngoài), không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn những mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nên cả ông Tuấn A và bà T đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Tuấn A và bà T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tuấn A đối với bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Tuấn A và bà T có lời khai thống nhất: thời gian chung sống, ông bà có người con chung tên Lê Hạo N, sinh năm 16/11/2016, hiện cháu đang ở cùng với bà T. Khi ly hôn, ông Tuấn A và bà T thống nhất về việc bà T là người trực tiếp nuôi con, ông Tuấn A không phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy, cháu N chưa tròn 07 tuổi, ông Tuấn A và bà T có ý kiến thống nhất về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: ông Tuấn A và bà T đều có lời khai thống nhất: Thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét. Trường hợp nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 37, Điều 207, Điều 238, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tuấn A.
 - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Tuấn A được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.
 - Về con chung: Giao cháu Lê Hạo N, sinh ngày 16/11/2016, (hiện cháu đang chung sống với bà T) cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc bà không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng cho con.

Dành quyền thăm nom con sau khi ly hôn cho ông Lê Tuấn A mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, ông Tuấn A và bà T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Tuấn A và bà Nguyễn Thị T trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Tuấn A phải chịu số tiền 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng mà ông Tuấn A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001708, ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên ông Tuấn A không phải nộp thêm tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Lê Tuấn A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Cần Thơ;
- Cục THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh